

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0642007-8 - Cơ lý thuyết

STC : 3(45,0,0,0,0,0)

Lần thi : 1

Lớp :

Năm học : 2013-2014

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Trần Quý	Nhiên	3541010038	19/10/1993	,00	3,00	1,50	
2	Lê Chí	Hiếu	3541010043	01/01/1992	,00			Nợ HP
3	Nguyễn Hoàng	Chương	3541010059	20/09/1995	7,00	1,00	4,00	
4	Cao Văn	Chuyển	3541010080	12/09/1994	,00			Nợ HP
5	Lê Quang	Khôi	3541010081	18/10/1994	7,00	5,00	6,00	
6	Nguyễn Văn	Hùng	3545010264	17/01/1993	4,00			
7	Nguyễn Quang	Khánh	3545010476	18/02/1987	,00			Nợ HP
8	Doãn Văn	Đông	3545010580	30/04/1993	,00			Nợ HP
9	Võ Duy	Tuấn	3641010011	16/03/1994	,00			Nợ HP
10	Lê Tấn	Thả	3641010025	24/05/1990	,00	3,00	1,50	
11	Nguyễn Quốc	Thịnh	3641010042	20/08/1994	,00			
12	Nguyễn Thành	Tiến	3641010046	10/12/1994	9,00	4,00	6,50	
13	Nguyễn Duy	Khang	3641010070	08/09/1994	8,00	9,00	8,50	
14	Nguyễn Quang	Phúc	3641010097	10/11/1992	9,00	6,00	7,50	
15	Nguyễn Hoàng	Ấn	3641010098	21/09/1993	8,00	8,00	8,00	
16	Võ Phúc	Hậu	3641010101	18/06/1994	8,00	6,00	7,00	
17	Võ Tấn	Tây	3641010105	17/05/1994	8,00	8,00	8,00	
18	Đỗ Mạnh	Nguyên	3641010109	03/10/1993	9,00	7,00	8,00	
19	Nguyễn Chí	Viên	3641010112	27/11/1994	7,00	8,00	7,50	
20	Đàm	Công	3641010121	28/03/1994	6,00	6,00	6,00	
21	Nguyễn Thành	Đạt	3641010135	20/07/1994	6,00	5,00	5,50	
22	Hồ Sỹ	Đang	3641010141	09/09/1994	,00			
23	Quách Hữu	Nam	3641010146	23/08/1993	5,00	3,00	4,00	
24	Bùi Văn	Đoàn	3641010148	12/01/1993	10,00	5,00	7,50	
25	Phan Tấn	Dương	3641010160	16/10/1994	7,00	7,00	7,00	
26	Văn Minh	Trí	3641010196	26/09/1993	7,00	4,00	5,50	
27	Hồ Phi	Huy	3641010220	01/01/1992	,00			
28	Lý Ngọc	Thiện	3641010250	02/01/1993	,00			
29	Nguyễn Hoàng	Hải	3641010266	30/09/1994	8,00	5,00	6,50	
30	Ngô Hoàn	Vũ	3641010276	20/07/1994	9,00	8,00	8,50	
31	Phạm Tuấn	Anh	3641010287	08/02/1993	10,00	6,00	8,00	
32	Trương Công	Minh	3641010296	04/05/1993	9,00	9,00	9,00	
33	Lê Viêt	Quang	3641010304	01/09/1994	5,00			Nợ HP
34	Trần Minh	Tân	3641010353	04/04/1993	7,00	8,00	7,50	
35	Trần Văn	Tĩnh	3641010354	05/02/1992	9,00	4,00	6,50	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Trần Văn	Nghiêm	3641010402	16/01/1993	7,00	5,00	6,00	
37	Trần Đức	Tài	3641010442	19/07/1994	,00			Nợ HP
38	Nguyễn Đức	Cảnh	3641012008	19/03/1993	,00			Nợ HP
39	Nguyễn Thành	Nghiêm	3641012016	18/01/1994	7,00	4,00	5,50	
40	Trào Văn	Thắng	3645010014	14/01/1992	,00			Nợ HP
41	Nguyễn Văn	Nghĩa	3645010036	18/07/1994	,00			Nợ HP
42	Bùi Quang	Trọng	3645010039	19/09/1993	7,00	5,00	6,00	
43	Tổng Anh	Hào	3645010056	16/01/1994	4,00	5,00	4,50	
44	Phan Thanh	Hà	3645010059	28/04/1993	4,00	5,00	4,50	
45	Âu Dương	Khương	3645010087	24/03/1990	8,00	4,00	6,00	
46	Đinh Quốc	Cường	3645010099	09/09/1992	6,00	1,00	3,50	
47	Phạm Hùng	Mạnh	3645010103	29/11/1989	8,00	7,00	7,50	
48	Huỳnh Quốc	Thắng	3645010125	20/12/1994	4,00			
49	Trần Quan	Phong	3645010140	27/09/1994	,00			Nợ HP
50	Nguyễn Đình	Trường	3645010152	22/04/1993	,00			Nợ HP
51	Nguyễn Hoàng	Tiến	3645010179	02/02/1994	,00			Nợ HP
52	Đỗ Tài	Nhân	3645010228	25/09/1994	,00			Nợ HP
53	Bùi Chánh	Duân	3645010234	04/12/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
54	Nguyễn Phước	Yên	3645010239	11/10/1994	10,00	3,00	6,50	
55	Trần Hoàng	Ấn	3645010243	27/08/1992	6,00	1,00	3,50	
56	Nguyễn Lê	Nhân	3645010244	03/07/1993	4,00	4,00	4,00	
57	Nguyễn Tiến	Nghĩa	3645010256	28/09/1991	6,00	8,00	7,00	
58	Bùi Tá	Thời	3645010290	26/12/1994	,00			Nợ HP
59	Ngô Tấn	Tiến	3645010382	29/01/1993	,00			Nợ HP
60	Lê Văn	Sang	3645010463	10/10/1990	,00			Nợ HP
61	Phạm Thanh	Hưng	3645010467	25/04/1994	,00			Nợ HP
62	Võ Duy	Phú	3645010506	12/06/1994	,00			Nợ HP
63	Lê Đức	Thọ	3645012115	24/12/1992	6,00	1,00	3,50	

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 01 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)